

Bài 14

KHU VỰC ĐÔNG NAM Á (tiếp theo)

Tiết 2 KINH TẾ

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS cần :

1. Kiến thức

- Phân tích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của khu vực thông qua phân tích biểu đồ.
- Nêu được đặc điểm cơ bản và bức tranh toàn cảnh về sự phát triển công nghiệp, dịch vụ của Đông Nam Á.

2. Kỹ năng

- Tiếp tục tăng cường cho HS các kỹ năng đọc, phân tích bản đồ, biểu đồ hình cột và đưa ra các nhận xét.
- Tăng cường năng lực thể hiện, biết phương pháp trình bày trong nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

- Bản đồ Kinh tế chung Đông Nam Á.
- Bản đồ Địa lí tự nhiên châu Á.
- Phóng to các biểu đồ, lược đồ trong SGK (nếu có thể).

III. TRỌNG TÂM BÀI

Nền kinh tế đang có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang khu vực công nghiệp và dịch vụ.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mở bài : GV có thể nêu vấn đề : Trong những năm vừa qua, Đông Nam Á được coi là một trong những khu vực phát triển kinh tế năng động nhất thế giới, bài hôm nay chúng ta sẽ cùng nghiên cứu, xem xét về nền kinh tế của khu vực.

Mục I. Cơ cấu kinh tế

Để dạy mục I, GV cần cho HS làm việc kĩ với biểu đồ Chuyển dịch cơ cấu GDP của một số quốc gia Đông Nam Á vì toàn bộ nội dung của kiến thức đều nằm ở biểu đồ này.

GV có thể tham khảo bảng số liệu dưới đây để chính xác hoá các số liệu nếu yêu cầu HS đọc từ biểu đồ :

Chuyển dịch cơ cấu GDP theo ba khu vực kinh tế tại một số quốc gia Đông Nam Á

Phi-líp-pin

Năm	Tổng GDP	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1991	100,0	21,2	34,3	44,5
1995	100,0	21,6	32,1	46,3
2000	100,0	15,7	32,3	52,0
2004	100,0	15,3	31,8	52,9

Việt Nam

Năm	Tổng GDP	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1991	100,0	40,5	23,8	35,7
1995	100,0	27,2	28,8	44,0
2000	100,0	24,5	36,7	38,8
2004	100,0	21,8	40,2	38,0

Cam-pu-chia

Năm	Tổng GDP	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1991	100,0	49,9	12,1	38,0
1995	100,0	47,1	15,7	37,2
2000	100,0	39,6	23,3	37,1
2004	100,0	36,0	27,7	36,3

In-đô-nê-xi-a

Năm	Tổng GDP	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1991	100,0	19,6	41,4	39,0
1995	100,0	17,1	41,8	41,1
2000	100,0	17,2	46,1	36,7
2004	100,0	15,4	43,7	40,9

Dựa trên biểu đồ hoặc bảng số liệu đều thấy : từ năm 1991 đến 2004, GDP của các nước trong khu vực :

– Đều có sự chuyển dịch đáng kể từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và khu vực dịch vụ.

– Sự dịch chuyển cơ cấu GDP rõ rệt nhất thể hiện ở khu vực nông nghiệp và khu vực công nghiệp và xây dựng.

– Khu vực dịch vụ cũng có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng nhưng chưa rõ rệt.

– Mỗi nước trong khu vực có tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế khác nhau.

– Việt Nam là quốc gia khá tiêu biểu về sự chuyển dịch cơ cấu GDP vì thể hiện rõ rệt nhất tốc độ chuyển dịch trong cả ba khu vực kinh tế.

Để giúp HS làm việc tốt với biểu đồ, GV có thể chia lớp thành 4 nhóm, nhiệm vụ của mỗi nhóm là nghiên cứu tỉ trọng GDP của một nước, sau đó từng nhóm lên trình bày kết quả của nhóm mình.

GV gợi mở để HS giải thích được nguyên nhân chủ yếu làm cho kinh tế Đông Nam Á tăng trưởng ngoạn mục trong những năm vừa qua chính nhờ sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách hợp lí ở mỗi quốc gia và trong khu vực.

Mục II. Công nghiệp

Dạy mục này, GV tổ chức dạy theo phương pháp quy nạp : trước tiên dạy các ngành, sau đó để HS tự rút ra kết luận về phương hướng phát triển công nghiệp của khu vực.

GV gợi mở để HS nêu được công nghiệp gồm có những ngành nào (công nghiệp khai khoáng, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng...).

Dạy về công nghiệp, GV cần dựa vào hiểu biết của HS từ thực tiễn của Việt Nam để có những liên hệ với các kiến thức về sự phát triển của khu vực.

Về ngành công nghiệp khai khoáng, GV cần có câu hỏi giúp HS có liên hệ với điều kiện tự nhiên, khai thác bản đồ Địa lí tự nhiên của khu vực để thấy được Đông Nam Á có nguồn tài nguyên khoáng sản dồi dào, là điều kiện thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp khai khoáng. Đồng thời, GV cũng cần phân tích để HS nắm được Đông Nam Á cần đẩy mạnh việc chế biến các khoáng sản thành sản phẩm để xuất khẩu sẽ tăng giá trị hơn nhiều so với việc khai thác xuất khẩu khoáng sản thô như hiện nay.

Về công nghiệp chế biến và lắp ráp một số sản phẩm tiêu dùng như ô tô, xe máy, các thiết bị điện tử... GV cần nêu vấn đề để HS phân tích được tình hình

trong những năm gần đây, những sản phẩm này của các nước Đông Nam Á đã có sức cạnh tranh trên thị trường thế giới (đã tái xuất được về các nước có các công ti, các hãng chính) và giải thích được nguyên nhân là do đã đáp ứng được chất lượng sản phẩm, lại có mức giá cạnh tranh (do nguồn lao động rẻ).

Về ngành công nghiệp điện, GV cần phân tích để HS thấy được : do tốc độ phát triển kinh tế cao nên nhu cầu về điện năng trong khu vực ngày càng cao, sản lượng điện trong khu vực đã tăng nhưng nhiều nước vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng phải nhập khẩu điện (Việt Nam, Thái Lan...). GV cũng bổ sung thêm cho HS : lượng điện tiêu dùng bình quân theo đầu người của khu vực vẫn còn rất thấp, mới đạt mức 1/3 so với trung bình của thế giới. Điều này đòi hỏi trong giai đoạn tiếp theo, nếu muốn duy trì và tăng trưởng phát triển kinh tế, Đông Nam Á cần tập trung phát triển công nghiệp điện nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất.

Sau khi dạy xong các ngành công nghiệp chính, GV nêu vấn đề để HS phát biểu, rút ra kết luận về phương hướng, đường lối phát triển công nghiệp của các nước trong khu vực.

Dạy về công nghiệp, GV cũng cần hướng dẫn HS sử dụng lại biểu đồ chuyển dịch cơ cấu GDP của một số quốc gia Đông Nam Á để thấy được tỉ trọng đóng góp cho GDP của công nghiệp còn chênh lệch giữa các nước trong khu vực (năm 2004, tỉ trọng GDP khu vực công nghiệp và xây dựng của Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Việt Nam đạt trên 40% thì vẫn còn một số nước đạt mức rất thấp như Mi-an-ma, Lào, Cam-pu-chia...). Điều đó thể hiện sự chênh lệch về trình độ công nghiệp hoá của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

Mục III. Dịch vụ

Dạy về ngành dịch vụ của Đông Nam Á, cũng như ngành công nghiệp, GV cần gợi mở cho HS dựa vào hiểu biết từ thực tiễn Việt Nam để có những liên hệ với các kiến thức về sự phát triển dịch vụ của khu vực, vì sự phát triển dịch vụ của đất nước ta thể hiện khá rõ nét trào lưu phát triển ngành dịch vụ của khu vực.

GV có thể đưa ra giả định nếu như trong những năm qua, Việt Nam không chú trọng mở rộng và nâng cấp hệ thống giao thông, cải thiện và phát triển hệ thống thông tin liên lạc, mở rộng và tăng cường hệ thống dịch vụ ngân hàng thì liệu nước ta có được sự phát triển như ngày nay không ? Có tạo được sức hấp dẫn đối với các nguồn vốn đầu tư của nước ngoài không ? Từ đó giúp HS hiểu hơn sự cần thiết phải phát triển ngành dịch vụ.

GV cần cho HS phân tích biểu đồ chuyển dịch cơ cấu GDP để HS thấy được : ngành dịch vụ của khu vực đã được phát triển ở một số nước từ rất sớm, ngay từ

những năm 1990 đã có tỉ trọng đóng góp cho GDP lớn hơn khu vực công nghiệp và xây dựng, điều đó giải thích cho nguyên nhân tăng trưởng kinh tế cao của khu vực những năm tiếp theo. Tuy nhiên, trong giai đoạn phát triển sắp tới, để có thể giữ vững được tốc độ tăng trưởng và phát triển bền vững nền kinh tế thì ngành dịch vụ của khu vực cần tiếp tục được nâng cao về chất lượng phục vụ và chú trọng tới phát triển các dịch vụ có liên quan đến cung cấp nguồn lao động có trình độ kĩ thuật cao (giáo dục và đào tạo, y tế...) để tăng năng suất lao động và đáp ứng nhu cầu lao động của thị trường, chứ không phải là chú trọng tăng trưởng về tỉ trọng đóng góp cho GDP.

GV cần gợi mở để HS có nhận xét ngành du lịch của khu vực đã phát triển do có lợi thế về cảnh quan thiên nhiên và nét đặc sắc của văn hoá, xã hội... nhưng còn chưa tương xứng với tiềm năng vốn có. Để gia tăng các giá trị du lịch thì Đông Nam Á cũng cần tăng tính chuyên nghiệp trong các sản phẩm du lịch, cũng như chú ý giữ gìn, bảo tồn, phát triển bền vững các giá trị thiên nhiên và các giá trị văn hoá, xã hội ở từng quốc gia trong khu vực.

V. THÔNG TIN

1. Trả lời câu hỏi khó trong SGK

Chỉ số tiêu dùng điện năng bình quân theo đầu người có ý nghĩa gì đối với việc đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia ?

Ta thấy rõ ràng có sự tương quan giữa lượng điện tiêu thụ bình quân theo đầu người với trình độ phát triển kinh tế ở mỗi quốc gia. Các nước có trình độ phát triển kinh tế cao thể hiện ở cơ cấu GDP khu vực II và đặc biệt khu vực III cao thì cũng là những nước có chỉ số tiêu dùng điện bình quân theo đầu người cao. Cũng có trường hợp ngoại lệ là Lào, tuy trình độ phát triển kinh tế thấp hơn In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Phi-lip-pin nhưng lượng điện bình quân theo đầu người lại cao là do Lào có sản lượng thuỷ điện dồi dào (nhà máy thuỷ điện Nậm Ngừm thừa cung cấp điện trong nước và xuất khẩu cho Thái Lan), lại có số dân ít.

2. Thông tin bổ sung

Sự đóng góp vào GDP của các ngành kinh tế thuộc khu vực II của các nước trong khu vực còn thấp, chỉ trừ hai nước là Bru-nây và Ma-lai-xi-a đóng góp cho GDP đạt xấp xỉ 50%, còn đa số đều có GDP đóng góp từ khu vực III lớn hơn khu vực II. Điều đó cho thấy trong thời gian vừa qua, đa số các quốc gia Đông Nam Á đều dành đầu tư phát triển cho dịch vụ nhiều hơn cho phát triển công nghiệp và xây dựng. Chính sách này có lợi ở việc tạo cơ sở hạ tầng, để thu hút đầu tư.

Tuy nhiên, đến một lúc nào đó nếu sản xuất công nghiệp không được cải thiện thì sự phát triển kinh tế ở mỗi quốc gia sẽ không bền vững, độ ổn định trong phát triển kinh tế sẽ không cao và ở góc độ dịch vụ sẽ là lãng phí.

Sở dĩ ở các nước phát triển, ngành dịch vụ có tỉ trọng đóng góp cho GDP cao hơn ngành công nghiệp và xây dựng là do các nước này đều đã trải qua thời kì công nghiệp hoá, khác với hầu hết các nước thuộc khu vực Đông Nam Á hiện nay, mới đang ở thời kì đầu của công nghiệp hoá.